

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quy trình thực hiện việc tiêm thuốc độc; thuốc tiêm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện sử dụng cho thi hành án tử hình; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án tử hình; chi phí mai táng người đã bị thi hành án tử hình và chế độ, chính sách đối với người tham gia thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án tử hình và người bị thi hành án tử hình.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với người tham gia thi hành án tử hình

1. Người tham gia Đội Thi hành án tử hình được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng ba lần mức lương cơ sở khi thi hành án tử hình đối với 01 người và nghỉ dưỡng 10 ngày theo quy định chung về chế độ nghỉ dưỡng đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.

2. Người tham gia Hội đồng thi hành án tử hình, thư ký Hội đồng thi hành án tử hình, cán bộ quản giáo, người ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, phiên dịch, thực hiện lãn tay người bị thi hành án tử hình, khâu liệm, giao tử thi, tro cốt hoặc mai táng được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng một lần mức lương cơ sở khi thi hành án tử hình đối với 01 người.

3. Người tham gia bảo đảm an ninh, trật tự; đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); điều tra viên được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng một phần hai mức lương cơ sở khi thi hành án tử hình đối với 01 người.

Điều 4. Chi phí mai táng

Chi phí mai táng người đã bị thi hành án tử hình gồm: 01 quan tài bằng gỗ thường, 01 bộ quần áo dài, 01 bộ quần áo lót mới, 04 m² vải liệm, hương, nến, rượu, cồn để làm vệ sinh khi liệm tử thi và các chi phí mai táng khác phù hợp với phong tục địa phương.

Chương II QUY TRÌNH THỰC HIỆN TIÊM THUỐC ĐỘC

Điều 5. Chuẩn bị các điều kiện trước khi tiêm thuốc độc

1. Thi hành án tử hình phải thực hiện đúng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 77 Luật Thi hành án hình sự năm 2025; quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thuốc sử dụng cho thi hành án tử hình phải được Hội đồng thi hành án tử hình kiểm tra, mở niêm phong và lập biên bản theo quy định.

3. Người bị thi hành án tử hình được cố định vào giường với tư thế nằm ngửa, bảo đảm không làm cản trở sự lưu thông máu.

Điều 6. Tiến hành tiêm thuốc độc

Cán bộ trực tiếp thi hành án tử hình chịu trách nhiệm thực hiện các bước sau:

1. Tiếp nhận 03 liều thuốc từ Hội đồng thi hành án tử hình (trong đó có 02 liều thuốc dự phòng).

2. Xác định tĩnh mạch người bị thi hành án tử hình để thực hiện tiêm thuốc độc; trường hợp không xác định được tĩnh mạch thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình để yêu cầu cán bộ y tế hỗ trợ xác định tĩnh mạch.

3. Đưa kim tiêm vào tĩnh mạch đã được xác định và nối với đường ống dẫn được gắn sẵn vào máy tiêm thuốc theo quy trình:

Bước 1: Tiêm thuốc làm mất tri giác;

Sau khi tiêm thuốc xong cán bộ chuyên môn thực hiện thi hành án tử hình phải tiến hành kiểm tra nếu người bị thi hành án tử hình chưa mất tri giác thì tiếp tục tiêm thuốc cho đến khi họ mất tri giác;

Bước 2: Tiêm thuốc làm liệt hệ vận động;

Bước 3: Tiêm thuốc làm ngừng hoạt động của tim.

4. Kiểm tra hoạt động tim của người bị thi hành án tử hình qua máy theo dõi điện tim. Trường hợp sau mười phút tiêm xong liều thứ nhất mà người bị thi hành án tử hình chưa chết, cán bộ kiểm tra phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình để ra lệnh tiêm liều thứ hai.

Sau mười phút tiêm liều thứ hai mà người bị thi hành án tử hình chưa chết, cán bộ kiểm tra phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình để ra lệnh tiêm liều thứ ba.

Trường hợp tiêm hết liều thuốc thứ ba sau mười phút mà người bị thi hành án chưa chết thì Đội trưởng Đội Thi hành án tử hình phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình quyết định tạm dừng thi hành án tử hình.

5. Việc thực hiện các bước tiêm theo quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này có thể được tiến hành theo phương pháp tự động hoặc trực tiếp.

Điều 7. Kết thúc tiêm thuốc độc

1. Theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, bác sĩ pháp y tiến hành kiểm tra, xác định tình trạng của người đã bị thi hành án tử hình và báo cáo kết quả cho Hội đồng thi hành án tử hình.

2. Sau khi bác sĩ pháp y kết luận người đã bị thi hành án tử hình đã chết, theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, cán bộ thi hành án tử hình rút kim tiêm, đường ống dẫn ra khỏi người đã bị thi hành án tử hình.

3. Hội đồng thi hành án tử hình lập biên bản theo quy định về việc người bị thi hành án tử hình đã chết.

4. Thuốc dự phòng không sử dụng hết thì cán bộ thi hành án tử hình bàn giao lại để bảo quản theo quy định.

Chương III
THUỐC TIÊM, CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ,
PHƯƠNG TIỆN SỬ DỤNG CHO THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 8. Thuốc sử dụng cho thi hành án tử hình

1. Thuốc tiêm sử dụng cho thi hành án tử hình bao gồm:
 - a) Thuốc làm mất tri giác;
 - b) Thuốc làm liệt hệ vận động;
 - c) Thuốc làm ngừng hoạt động của tim.
2. Một liều thuốc gồm 03 loại thuốc quy định tại khoản 1 Điều này và dùng cho 01 người.
3. Thuốc sử dụng cho thi hành án tử hình do Bộ Y tế cấp theo đề nghị của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.
4. Bảo quản thuốc theo điều kiện ghi trên nhãn liều thuốc, hướng dẫn của đơn vị cung cấp. Việc bàn giao thuốc phải được lập biên bản giao, nhận; niêm phong, quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện sử dụng cho thi hành án tử hình

1. Cơ sở vật chất bảo đảm phục vụ cho thi hành án tử hình:

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng căn cứ vào tình hình thực tiễn để đầu tư xây dựng nhà thi hành án tử hình và phòng làm việc của Hội đồng thi hành án tử hình tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Công an cấp tỉnh), đơn vị Quân đội quân khu và tương đương (sau đây gọi là cấp quân khu) để bảo đảm phục vụ công tác thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.
2. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho thi hành án tử hình bao gồm:
 - a) Giường nằm có các đai dùng để cố định người bị thi hành án tử hình;
 - b) Máy tiêm thuốc tự động;
 - c) Máy theo dõi điện tim;
 - d) Màn hình, camera, đầu ghi hình camera và các thiết bị theo dõi, kiểm tra quá trình thi hành án tử hình;
 - đ) Các dụng cụ y tế và trang thiết bị hiện đại khác phục vụ cho thi hành án tử hình.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁC BỘ, NGÀNH
VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Mục 1
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
THUỘC CÔNG AN NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 10. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an

1. Tổ chức triển khai thi hành pháp luật về thi hành án tử hình.
2. Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án tử hình cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.
3. Phối hợp với cơ quan y tế tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thi hành án tử hình cho cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thi hành án tử hình trong Công an nhân dân.
4. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về công tác thi hành án tử hình theo quy định.
5. Tổng kết công tác thi hành án tử hình của Công an nhân dân.

Điều 11. Trách nhiệm của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

1. Tham gia Hội đồng thi hành án tử hình.
2. Giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án, dự toán kinh phí và phân công nhiệm vụ, tổ chức, điều động, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất khác bảo đảm tuyệt đối an toàn cho việc tổ chức thi hành án tử hình.
3. Lập Đội thi hành án tử hình để làm nhiệm vụ thi hành án tử hình gồm Đội trưởng, bác sĩ pháp y và các tổ: áp giải, xác định tĩnh mạch, pha thuốc, ấn nút, điều khiển máy tiêm thuốc.
4. Tiếp nhận người bị thi hành án tử hình do trại tạm giam bàn giao để áp giải đến địa điểm thi hành án tử hình.
5. Thực hiện các thủ tục giải quyết cho gia đình, người đại diện hợp pháp của người bị thi hành án tử hình nhận tử thi, tro cốt và hài cốt của người đã bị thi hành án tử hình về địa phương mai táng; về nước mai táng nếu người đã bị thi hành án tử hình là người nước ngoài.

6. Làm các thủ tục đưa tử thi vào bảo quản tại bệnh viện hoặc công ty mai táng trong trường hợp cơ quan thi hành án hình sự chưa có nơi lưu giữ.

7. Làm thủ tục khai tử tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành án tử hình; tổ chức mai táng, vẽ sơ đồ mộ và đặt bia trên mộ của người đã bị thi hành án tử hình; thông báo cho gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của họ biết.

8. Phối hợp với cơ quan chức năng về ngoại giao, biên phòng, y tế và các cơ quan có liên quan làm thủ tục đưa tử thi, tro cốt và hài cốt ra khỏi lãnh thổ Việt Nam nếu người đã bị thi hành án tử hình là người nước ngoài.

9. Báo cáo kết quả thi hành án tử hình cho Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an.

10. Lập, quản lý, lưu giữ, bảo quản hồ sơ thi hành án tử hình theo quy định.

11. Thực hiện các quy định khác về thi hành án tử hình theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Công an cấp xã nơi tổ chức thi hành án tử hình và nơi mai táng

1. Tham gia bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn nơi tổ chức thi hành án tử hình và nơi mai táng.

2. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật xảy ra tại nơi tổ chức thi hành án tử hình và nơi mai táng người đã bị thi hành án tử hình thuộc khu vực, địa bàn quản lý.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm của Trại tạm giam nơi giam giữ người bị kết án tử hình

1. Chuẩn bị các điều kiện và nơi làm việc theo yêu cầu của Hội đồng thi hành án tử hình.

2. Bàn giao người chấp hành án tử hình cho Đội Thi hành án tử hình theo yêu cầu của Hội đồng thi hành án tử hình.

3. Tổ chức cho người chấp hành án tử hình ăn, uống (được hưởng bằng 5 lần tiêu chuẩn của ngày Lễ, Tết quy định đối với người bị tạm giam), viết thư, ghi âm lời nói gửi lại gia đình của người chấp hành án.

4. Bàn giao cho gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người đã bị thi hành án tử hình đầy đủ giấy tờ, đồ vật, tài sản, tiền mà người bị thi hành án tử hình gửi lại trong thời gian bị giam giữ (nếu có).

5. Bàn giao hồ sơ của người đã bị thi hành án tử hình theo quy định.

Mục 2
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
THUỘC QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN TRONG THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng

1. Tổ chức triển khai thi hành pháp luật về thi hành án tử hình trong Quân đội nhân dân.
2. Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành án tử hình cho Cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân.
3. Tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thi hành án tử hình cho cán bộ, chiến sĩ trực tiếp thi hành án tử hình trong Quân đội nhân dân.
4. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về công tác thi hành án tử hình theo quy định.
5. Tổng kết công tác thi hành án tử hình của Quân đội nhân dân.

Điều 15. Trách nhiệm của Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu

1. Tham gia Hội đồng thi hành án tử hình.
2. Giúp Tư lệnh cấp quân khu xây dựng kế hoạch, phương án, dự toán kinh phí, phân công nhiệm vụ, tổ chức, điều động, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất khác bảo đảm tuyệt đối an toàn cho việc thi hành án tử hình.
3. Thực hiện nhiệm vụ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11 Điều 11 và phối hợp thực hiện quy định tại Điều 13 của Nghị định này.
4. Báo cáo kết quả thi hành án tử hình cho Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng.

Mục 3
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
CÁC CẤP TRONG THI HÀNH ÁN TỬ HÌNH

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về thi hành án tử hình.

2. Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong công tác thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.

4. Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định của pháp luật về thi hành án tử hình.

5. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân làm nhiệm vụ thi hành án tử hình.

6. Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân làm nhiệm vụ thi hành án tử hình.

7. Lập dự toán kinh phí để bảo đảm cho công tác thi hành án tử hình trong Công an nhân dân.

8. Chỉ đạo Công an các cấp thực hiện chế độ báo cáo, thống kê và tổng kết về thi hành án tử hình.

9. Tổng kết, báo cáo, thống kê nhà nước về thi hành án tử hình.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc trong Quân đội nhân dân.

2. Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành án tử hình trong Quân đội nhân dân.

3. Phối hợp với Bộ Công an bảo đảm công tác thi hành án tử hình đối với người bị kết án tử hình do Bộ Quốc phòng quản lý.

4. Chỉ đạo Bộ Tư lệnh các quân khu, Quân đoàn 34, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng thực hiện đúng quy định của pháp luật về thi hành án tử hình.

5. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân làm nhiệm vụ thi hành án tử hình.

6. Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân làm nhiệm vụ thi hành án tử hình.

7. Lập dự toán kinh phí để bảo đảm cho công tác thi hành án tử hình trong Quân đội nhân dân.

8. Phối hợp với Bộ Công an trong việc báo cáo, thống kê và tổng kết công tác thi hành án tử hình.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Bảo đảm nguồn cung ứng thuốc để sử dụng cho thi hành án tử hình theo kế hoạch dự trữ thuốc hằng năm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; hướng dẫn bảo quản, sử dụng các loại thuốc sử dụng cho thi hành án tử hình; chủ trì phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành danh mục thuốc, liều lượng thuốc sử dụng, quy trình sử dụng thuốc để sử dụng cho thi hành án tử hình.

2. Chỉ đạo các cơ quan nghiệp vụ, bệnh viện, cơ sở đào tạo y tế phối hợp với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Quốc phòng đào tạo, tập huấn nghiệp vụ kỹ thuật chuyên ngành y tế có liên quan đến việc thi hành án tử hình cho cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ thi hành án tử hình.

3. Chỉ đạo Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế đối với tử thi, tro cốt, hài cốt người đã bị thi hành án tử hình (trong trường hợp cần thiết).

4. Chỉ đạo các bệnh viện thuộc ngành y tế: cử cán bộ y tế hỗ trợ cán bộ thi hành án tử hình xác định tĩnh mạch trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình; tiếp nhận, bảo quản tử thi người đã bị thi hành án tử hình do cơ quan thi hành án hình sự chuyển đến.

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Tiếp nhận và chuyển thông tin đến các cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam nhằm giải quyết các thủ tục liên quan đối với người bị thi hành án tử hình là người nước ngoài theo quy định tại khoản 1 và 7 Điều 78 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Làm thủ tục thông quan đối với tử thi, tro cốt, hài cốt của người đã bị thi hành án tử hình là người nước ngoài.

2. Bố trí dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan để thực hiện thi hành án tử hình bằng tiêm thuốc độc.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí dự toán ngân sách hằng năm cho các sở, ban, ngành địa phương để bảo đảm chế độ, chính sách đối với người tham gia thi hành án tử hình và có trách nhiệm cấp đất để

xây dựng địa điểm thi hành án tử hình, chỉ định nơi mai táng người đã bị thi hành án tử hình; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan ở địa phương phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho việc thi hành án tử hình.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức thi hành án tử hình có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự nơi thi hành án tử hình; cử đại diện chứng kiến việc thi hành án tử hình; thực hiện thủ tục đăng ký khai tử cho người đã bị thi hành án tử hình; phối hợp với Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc Cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu trong việc mai táng và quản lý mộ của người đã bị thi hành án tử hình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình hoặc người đại diện hợp pháp của người đã bị thi hành án tử hình được nhận tử thi, tro cốt hoặc hài cốt của người đã bị thi hành án tử hình đưa về mai táng có trách nhiệm bảo đảm về an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 43/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thi hành án tử hình bằng hình thức tiêm thuốc độc và Điều 13 Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các quyết định thi hành án tử hình của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được thi hành thì áp dụng các quy định của Nghị định này.

Trường hợp những văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung liên quan đến Nghị định này cũng sẽ được thay đổi theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b). *12*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc